

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG
THÔN
Số: 45/2004/QĐ-BNN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 30 tháng 9 năm 2004

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy chế Quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ
của nước ngoài trong ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 86/2003/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 17/2001/NĐ-CP ngày 04 tháng 5 năm 2001 của Chính phủ ban hành Quy chế Quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức; Quyết định số 64/2001/QĐ-TTg ngày 26 tháng 4 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế Quản lý và sử dụng viện trợ phi Chính phủ nước ngoài; Quyết định số 112/2001/QĐ-TTg ngày 21 tháng 8 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức và quản lý hội nghị, hội thảo Quốc tế tại Việt Nam;

Xét đề nghị của Chánh văn phòng, Vụ trưởng Vụ Hợp tác Quốc tế và Vụ trưởng Vụ Tổ chức Cán bộ;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế Quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ của nước ngoài trong ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn” gồm 7 chương, 29 điều.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và thay thế Quyết định số 132/1999/QĐ-BNN-HTQT ngày 22 tháng 9 năm 1999 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông

thôn ban hành Quy chế Quản lý các chương trình và dự án có sử dụng nguồn hỗ trợ của nước ngoài thuộc trách nhiệm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ hợp tác Quốc tế và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

QUY CHẾ

QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG NGUỒN HỖ TRỢ CỦA NƯỚC NGOÀI TRONG NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

(Ban hành theo Quyết định số: 45/2004/QĐ-BNN ngày 30 tháng 9 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

- Quy chế này điều chỉnh hoạt động thu hút, quản lý và sử dụng các nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (gọi tắt là ODA), viện trợ phi chính phủ (gọi tắt là NGO) và các hình thức viện trợ phi dự án (không mang tính thương mại) của nước ngoài do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý.
- Các dự án đầu tư trực tiếp của nước ngoài (gọi tắt là FDI) không thuộc đối tượng điều chỉnh của Quy chế này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Tất cả các đơn vị trực thuộc cơ quan Bộ (Vụ, Thanh tra Bộ, Văn phòng Bộ) và các đơn vị thuộc Bộ (Cục, Viện, Trường, Vườn, Trung tâm), sau đây gọi chung là đơn vị, và các địa phương có quản lý và sử dụng nguồn ODA, NGO và các hình thức viện trợ phi dự án của nước ngoài do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, một số từ ngữ được hiểu như sau :

- "Chương trình" là một tập hợp các hoạt động, các dự án có liên quan đến nhau một cách hữu cơ và có thể liên quan đến nhiều ngành kinh tế, kỹ thuật, nhiều vùng lãnh thổ, nhiều chủ thể khác nhau, được thực hiện thông qua phương pháp tiếp cận

liên ngành, có thời hạn thực hiện tương đối dài hoặc theo nhiều giai đoạn, và nguồn lực để thực hiện có thể được huy động từ nhiều nguồn khác nhau, theo nhiều phương thức khác nhau.

2. "Dự án" là một tập hợp các hoạt động có liên quan đến nhau nhằm đạt được một hoặc một số mục tiêu xác định, được thực hiện trong một thời hạn nhất định, dựa trên những nguồn lực xác định. Dự án bao gồm dự án đầu tư, dự án hỗ trợ kỹ thuật và các dự án hợp tác nghiên cứu khoa học kỹ thuật song phương.

3. "Dự án đầu tư" là dự án tạo mới, mở rộng (nâng cấp) hoặc cải tạo những cơ sở vật chất nhất định nhằm đạt được sự tăng trưởng về số lượng hoặc duy trì, cải tiến, nâng cao chất lượng của sản phẩm hoặc dịch vụ trong khoảng thời gian xác định.

4. "Dự án hỗ trợ kỹ thuật" là dự án tập trung chủ yếu vào việc cung cấp các yếu tố kỹ thuật phần mềm, bao gồm các dự án phát triển năng lực thể chế, phát triển nguồn nhân lực, chuyển giao công nghệ hoặc chuyển giao kiến thức, kinh nghiệm, cung cấp các yếu tố đầu vào về kỹ thuật để chuẩn bị và thực hiện chương trình, dự án đầu tư.

5. "Chương trình, dự án ODA" là chương trình, dự án có sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA).

6. "Điều ước quốc tế về ODA" là thỏa thuận bằng văn bản được ký kết giữa đại diện được uỷ nhiệm của Nhà nước hoặc cơ quan có thẩm quyền của Chính phủ Việt Nam với đại diện của Nhà tài trợ về các vấn đề liên quan đến ODA, bao gồm các Hiệp định, Nghị định thư, văn kiện chương trình, dự án và các văn bản trao đổi giữa các bên có giá trị tương đương.

7. "Chủ quản đầu tư" (hay còn gọi là cơ quan chủ quản chương trình, dự án) là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với chương trình, dự án do các đơn vị trực thuộc cơ quan Bộ hoặc các đơn vị thuộc Bộ trực tiếp triển khai, thực hiện và những dự án thuộc ngành do Chính phủ giao cho Bộ là cơ quan quản lý, thực hiện.

8. "Chủ dự án" (hay còn gọi Chủ chương trình, dự án) là các đơn vị trực thuộc cơ quan Bộ hoặc các đơn vị thuộc Bộ và các địa phương được Bộ trưởng giao trách

nhiệm trực tiếp quản lý, sử dụng nguồn vốn của các Nhà tài trợ và nguồn vốn đối ứng để thực hiện chương trình, dự án theo nội dung đã được phê duyệt.

9. "Ban Quản lý chương trình, dự án" (gọi tắt "Ban Quản lý dự án") hoặc "Văn phòng dự án" là cơ quan đại diện cho Chủ dự án, được toàn quyền thay mặt Chủ dự án thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ được giao, kể từ khi bắt đầu thực hiện cho đến khi kết thúc dự án, kể cả việc quyết toán, nghiệm thu, bàn giao đưa dự án vào khai thác và sử dụng.

10. "Trưởng Ban Quản lý dự án" (gọi tắt "Giám đốc dự án") là người đứng đầu Ban Quản lý dự án, thay mặt cho chủ dự án (và chủ quản dự án) quản lý, điều hành các hoạt động của chương trình, dự án; chịu trách nhiệm trước Chủ dự án đối với các hoạt động và kết quả thực hiện chương trình, dự án; chịu trách nhiệm với Chủ dự án và trước pháp luật về các hành vi của mình.

11. "Ban Điều hành chương trình, dự án" hay còn gọi là "Ban Chỉ đạo chương trình, dự án" (gọi tắt là Ban Điều hành dự án), gồm đại diện các cơ quan liên ngành, được thành lập để hỗ trợ cơ quan chủ quản chỉ đạo các hoạt động thực hiện dự án, xem xét và kiến nghị với cấp có thẩm quyền phê duyệt những điều chỉnh của dự án.

12. "Vốn đối ứng" là giá trị các nguồn lực (tiền mặt, hiện vật, công lao động) huy động trong nước để chuẩn bị và thực hiện các chương trình, dự án ODA theo yêu cầu của chương trình, dự án.

13. "Thoả thuận về viện trợ phi Chính phủ nước ngoài" là văn bản ghi nhận ý định ban đầu (không ràng buộc về pháp lý) về các khoản viện trợ phi Chính phủ nước ngoài giữa đại diện của Bên Việt Nam và Bên Tài trợ.

14. "Văn kiện dự án (chương trình, dự án) viện trợ phi Chính phủ nước ngoài" là tài liệu chính thức thể hiện cam kết giữa đại diện của Bên Việt Nam và Bên Tài trợ về một chương trình hoặc một dự án cụ thể, trong đó xác định rõ: mục tiêu, các hoạt động, các kết quả cần đạt được, nguồn lực được sử dụng, thời hạn và kế hoạch thực hiện, nghĩa vụ, quyền lợi và trách nhiệm của các bên có liên quan.

15. "Viện trợ phi dự án" là các khoản viện trợ không thuộc chương trình, dự án, được cung cấp viện trợ qua các hình thức hỗ trợ trực tiếp ngân sách ngành, viện trợ theo

gói, viện trợ qua các quỹ uỷ thác, dưới dạng hiện vật (hàng hoá, vật tư, thiết bị), tiền mặt hoặc chuyên gia (kể cả chuyên gia tình nguyện); các khoản viện trợ ngoài dự án cho nghiên cứu, hội nghị, hội thảo, tập huấn, học tập kinh nghiệm và cho các mục đích nhân đạo, từ thiện (gọi chung là viện trợ nhân đạo).

16. "Cứu trợ khẩn cấp" là khoản viện trợ thuộc viện trợ phi dự án được thực hiện khẩn trương ngay sau khi xảy ra các trường hợp khẩn cấp (thiên tai, hoặc các tai hoạ khác) và kéo dài tối đa là 2 tháng sau khi các trường hợp khẩn cấp chấm dứt. Sau thời hạn trên, nếu khoản cứu trợ này vẫn được tiếp tục thì được coi là viện trợ khắc phục hậu quả sau trường hợp khẩn cấp.

17. "Quy chế Quản lý đầu tư" là Quy chế Quản lý đầu tư và xây dựng ban hành theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 8 tháng 7 năm 1999 của Chính phủ, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 12/2000/NĐ-CP ngày 5 tháng 5 năm 2000 và Nghị định số 07/2003/NĐ-CP ngày 30 tháng 1 năm 2003 của Chính phủ.

18. "Quy chế đấu thầu" là Quy chế đấu thầu ban hành theo Nghị định số 88/1999/NĐ-CP ngày 1 tháng 9 năm 1999 của Chính phủ, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 14/2000/NĐ-CP ngày 5 tháng 5 năm 2000 và Nghị định số 66/2003/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ.

19. "Quy chế Quản lý ODA" là Quy chế Quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức ban hành theo Nghị định số 17/2001/NĐ-CP ngày 4 tháng 5 năm 2001 của Chính phủ.

20. "Quy chế Quản lý NGO" là Quy chế Quản lý và sử dụng viện trợ phi Chính phủ nước ngoài ban hành theo Quyết định số 64/2001/QĐ-TTg ngày 25 tháng 4 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 4. Nguồn hỗ trợ của nước ngoài

1. Nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và các nguồn khác do các tổ chức và cá nhân nước ngoài hỗ trợ ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn dưới hình thức chương trình, dự án gồm:

a) Viện trợ không hoàn lại;